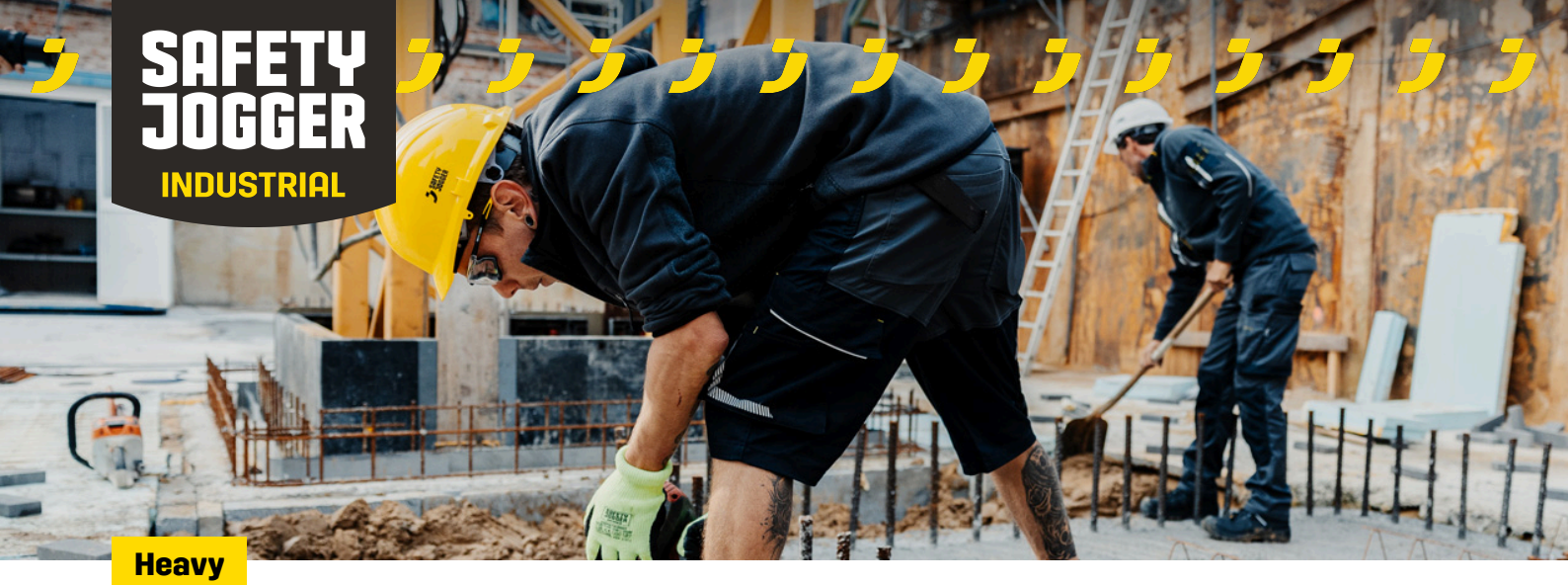
SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL



Heavy

HEKLA S3 LOW

HEKLAS3LOW

Giày da bảo h ộ **lao** độ n g đế **ngoài cao su phù** h rư **mội** t ớ **làm** việ c khắc n ghiệ t

Safety Jogger HEKLAS3LOW là một giày có khả năng cách nhiệ t và l anh , tay nắm dạn g thang và mặt trên bằn g da thoáng khí. Nó hoàn hảo cho các lĩnh vự c đòi h ỏi khắ t khe và chân luôn khô ráo, mát m ẻ và an toàn.



BLK

Những vật liệu cao cấp hơn	Da nguyên tấm
lót bên trong i tái chế	lưới
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	Cao su (NBR)
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S3 / SR, SC, LG, FO, HI, HRO, CI
Phạm vi kích thước	EU 38-48 / UK 5.0-13.0 / US 5.5-13.5 JPN 24-31.5 / KOR 250-315
ng lượng t thép	0.820 kg
ẩn hóa u chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022

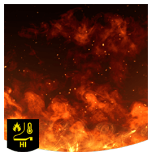




Mặt **trên** bằng **da thoáng khí** Da tự nhiên [illegible] các ứng dụng linh hoạt



[illegible] nhiệt Đ được nhiệt độ cao lên đến 300°C.



Cách nhiệt **(HI)** Giày bảo hộ cách nhiệt (HI) thường được mang trong môi [illegible] độ nóng. Nó giữ nhiệt độ bên trong giày.



Cách điện lạnh **(CI)** Giày bảo hộ cách [illegible] chống lại [illegible] a bàn chân được mặc trong một [illegible]



Tay nắm bậc **thang (LG)** Đường viền được xác định đặc biệt [illegible] giày an toàn để tăng thêm độ an toàn khi đứng trên thang.



[illegible] mũi chống **mài mòn (SC)** Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng [illegible] vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng [illegible] giày an toàn.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
Xây dự n g, Dầu khi, Khai thác m ỏ , Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
rư ờn mội t anh , Bề mặt cự c mượn ờn, mội bùn, mội ề mặt ốt không bắn g phẳn ờn, mội khô

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẳ cách nhiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Da nguyên** t ấm **cao** cấp h ơn			
	Top: khả năng ấm ớ h ơ	? 0.8	1.12 ờ mg/cm/g
	Top: h ệ số ớ h ơ	? 15	16 mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ớ		
	L ớp lót: ấm ớ h ơ	? 2	32.98 ờ mg/cm/g
	lót: h ệ số ớ h ơ	? 20	264 mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ** làm t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)			
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ	**Cao su (NBR)**		
	Ch ố n ả ng mài mòn ế ngoài (	? 150	128 mm
	Chư ố t c ợt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt ướ t v ề phía t	? 0.31	0.47 ma sát
	r Cặ t cố mẫu bằng G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.51 ma sát
	r Cặ t SR n G ố t m + Glycerin - Trư ợt ướ t phía t	? 0.19	0.20 ma sát
	Chư ố t SR G ố m + Glycerin - Trư ợt ướ t phía t	? 0.22	0.24 ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	4.5 megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g ót chân ủ	? 20	40 J
Đ ứ n g đầ **Thép**			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	20.0 mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	24.0 mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, khôn có ế thay ê nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không ược sao chép ướ dạng nào mà không ép bằng văn ủa chúng tôi.

hân sinh Dấ **thái:**

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q
i **CO** **phát** thả		
	V ật l iệu	9.84 kg
	Bao bì	0.20 kg
	ất Sản x u	1.90 kg
	Chuyên ch ở	0.26 kg
		12.19 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế		
	Product	6%
	Bao bì	18%

Tính toán CO2:
ị được ã tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán ủa Giầy đối.